

TÀI NGUYÊN VỊ THỂ BIỂN VIỆT NAM: ĐỊNH DẠNG, TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT HUY GIÁ TRỊ

Trần Đức Thạnh*, Trần Đình Lân*, Nguyễn Hữu Cử*

Mở đầu

Hiện nay, tài nguyên thiên nhiên không chỉ hiểu theo tư duy truyền thống, là những dạng vật chất lấy ra được và có giá trị sử dụng cho mục tiêu kinh tế nào đó, mà đã được hiểu là tất cả các yếu tố tự nhiên có thể sử dụng ở các hình thức khác nhau, hoặc không sử dụng nhưng sự tồn tại của tự nó mang lại lợi ích cho con người. Vị thế hoặc tài nguyên vị thể gần đây được nói đến khá nhiều và được đánh giá là rất quan trọng, nhưng cơ sở khoa học của nó vẫn là vấn đề còn mới mẻ đối với nước ta [1,2,3]. Đó là những tiềm năng và giá trị về vị trí địa lý và các thuộc tính không gian liên quan đến cấu trúc, hình thể sơn văn và cảnh quan sinh thái có thể sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và chủ quyền quốc gia.

Việt Nam có vị thế đặc biệt quan trọng ở Đông Nam Á nhờ có một vùng lãnh thổ trải dài trên ba nghìn km ở rìa tây Biển Đông và một vùng lãnh hải rộng trên một triệu km², gấp ba lần diện tích lãnh thổ. Biển Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, giữ vai trò quan trọng về môi trường, sinh thái trong Biển Đông, là vùng chuyển tiếp đặc biệt giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương về mặt địa lý sinh vật và hàng hải. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay và nhất là sự phát triển của nền kinh tế thị trường dựa trên nền tảng của lĩnh vực dịch vụ sau này đòi hỏi phải phát huy được tiềm năng to lớn của tài nguyên vị thể biển. Với kết quả nghiên cứu bước đầu, bài viết này giới thiệu một số nhận thức cơ bản về tài nguyên vị thể biển Việt Nam, tiềm năng và định hướng phát huy giá trị của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội.

1. Định dạng tài nguyên vị thể biển

1.1. Quan niệm cơ bản

Tài nguyên là con người, tài sản, nguyên vật liệu, nguồn vốn có thể sử dụng để đạt được một mục đích. *Tài nguyên thiên nhiên* là tài nguyên xuất hiện trong tự nhiên có thể sử dụng để tạo ra lợi ích. *Tài nguyên thiên nhiên* là một đặc tính hoặc một hợp phần của môi trường tự nhiên có giá trị phục vụ cho nhu cầu của con người như đất, nước, động vật, thực vật, v.v. *Tài nguyên thiên nhiên* có giá trị kinh tế và giá trị phi kinh tế [4, 5].

Tài nguyên biển bao gồm các tài nguyên sinh vật và phi sinh vật như đất, nước, băng nằm trong hoặc nằm dưới một vùng biển và cả động vật hoang dã sống trong một vùng thường xuyên, tạm thời hoặc theo mùa vụ. *Tài nguyên biển* là một phạm trù rộng để chỉ các tài nguyên sinh vật biển (động và thực vật), nước và dòng chảy, đáy biển và

*TS, TS, TS Viện Tài nguyên và Môi trường biển

bờ biển có chủ thể. Nó còn bao gồm các tài nguyên văn hoá có chủ thể, từ xác tàu đắm, đèn biển cho đến các di chỉ khảo cổ, lịch sử văn hoá của cộng đồng bản địa. Chủ thể được xác lập để bảo vệ các vùng có một hoặc nhiều các đặc trưng tự nhiên và văn hoá. Tài nguyên biển thường gắn liền với quyền tài phán quốc gia. Tài nguyên biển, theo phương cách truyền thống, được phân theo các nhóm, loại khác nhau [8,9]. Theo bản chất tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên biển được chia thành tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật. Theo khả năng tái tạo, tài nguyên thiên nhiên biển được chia thành tài nguyên tái tạo và tài nguyên không tái tạo, tài nguyên tiêu hao và tài nguyên không tiêu hao.

Theo cách hiểu truyền thống, nhiều lợi ích lớn, đặc biệt là sự phát triển kết cấu hạ tầng và các khu kinh tế trọng điểm được đưa lại từ các yếu tố, hiện tượng và quá trình tự nhiên có tính tổng hợp theo không gian vùng đất, vùng biển không gắn với tài nguyên truyền thống cụ thể nào, chỉ được coi là lợi thế phát triển. Đó là nguồn gốc dẫn đến thiếu tư duy cơ bản trong tổ chức lãnh thổ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế đã có ở một số quy hoạch phát triển, nền tảng của các quyết sách kinh tế lại chẳng dựa vào những dạng tài nguyên chính yếu đã được ghi nhận, mà lại dựa vào một số yếu tố, được coi là lợi thế tự nhiên, được đánh giá thiếu hệ thống và tùy vào nhận thức ngẫu nhiên của người làm quy hoạch. Thực tế, những quyết sách kinh tế quan trọng nhất của một vùng chính là dựa vào tài nguyên không gian (vị thế), nhưng lại không được ghi nhận một cách chính thức. Tình trạng này không chỉ ở Việt Nam, mà còn ở nhiều nước đang phát triển và dần được nhận thức rõ cùng với quá trình phát triển mạnh mẽ của kinh tế, quản lý và khoa học công nghệ.

Trên thực tế, việc vận dụng cơ sở tài nguyên vị thế ngày càng mở rộng và có định hướng rõ ràng, nhưng cơ sở lý luận của vấn đề tài nguyên không gian hoặc vị thế chưa được định hình, còn nhiều bàn luận. Theo Cộng đồng Châu Âu, tài nguyên thiên nhiên được chia thành 5 dạng [6]: Tài nguyên tái tạo không tiêu hao (Renewable resources - non-extinguishable); Tài nguyên tái tạo có tiêu hao (Renewable resources - extinguishable); Tài nguyên không tái tạo và không tiêu hao (Non-renewable resources - non-extinguishable); Tài nguyên không tái tạo, tiêu hao (Non-renewable resources - extinguishable); Tài nguyên vị thế (không gian - space) bao gồm đất, mặt biển và khoảng không. Tài nguyên vị thế (không gian) hàm chứa cả bốn loại tài nguyên kia như năng lượng mặt trời, gió, tài nguyên nông, ngư và rừng (kể cả tiềm năng bảo tồn đa dạng sinh học v.v.). Nó có quan hệ với mọi hoạt động của con người liên quan đến sử dụng tài nguyên, ví dụ làm nhà, xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thông. Do vậy, vị thế được coi là dạng tài nguyên then chốt. Tài nguyên ven bờ Singapore được chia thành ba nhóm: đất ven bờ và không gian biển, tài nguyên tái tạo và tài nguyên không tái tạo [7].

Theo nguồn gốc thì tài nguyên thiên nhiên gồm có ba nhóm chủ cơ bản: tài nguyên sinh vật; tài nguyên phi sinh vật và tài nguyên vị thế (không gian). Theo cách chia này, trong hệ thống tài nguyên biển, tài nguyên vị thế biển cũng đóng vai trò then chốt. Đó là không gian biển và ven bờ, nổi và ngầm gồm lòng lạch, bến bãi, đất đai ven bờ, bán đảo và hải đảo, bãi cát biển, thềm đá, hang động v.v.. Ví dụ, một vịnh

nước sâu, kín không có phong phú tài nguyên truyền thống, nhưng có thể sử dụng thành một cảng nước sâu mang lại những lợi ích kinh tế to lớn. Tài nguyên vị thế (không gian) biển không chỉ đơn thuần là nguồn gốc tự nhiên, mà còn mang các yếu tố tài nguyên nhân văn, bao gồm: các di tích lịch sử, khảo cổ, văn hoá, cấu trúc cộng đồng v.v.

Tài nguyên vị thế dùng theo cách nói tiếng Việt trong nhiều văn bản quản lý hiện nay có lẽ mang hàm ý rộng hơn tài nguyên không gian (space) trong các tài liệu nước ngoài, bao hàm cả giá trị đưa lại của không gian trong mối quan hệ về vị trí địa lý của nó với các trung tâm, đầu mối kinh tế, chính trị khu vực, quan hệ với các vành đai, hành lang kinh tế trên biển, ven biển v.v. Tài nguyên vị thế biển có những nội hàm riêng, mang tính bản chất, là các yếu tố hình thể và vị trí trong không gian. Sử dụng hợp lý tài nguyên vị thế biển là một định hướng cơ bản cho phát triển bền vững [19].

Giá trị của một đối tượng tài nguyên vị thế biển được đánh giá theo ba tiêu chí. *Giá trị về vị thế (địa) tự nhiên* là các giá trị và lợi ích có được từ vị trí không gian; tổng thể các yếu tố hình thể và cấu trúc không gian của một khu vực nào đó và tính ổn định của các quá trình tự nhiên và khả năng ít chịu tác động của thiên tai tại đó. *Giá trị vị thế (địa) kinh tế* là các giá trị và lợi ích có được từ các đặc điểm địa lý ảnh hưởng đến tiến trình phát triển kinh tế của một vùng, một quốc gia, thậm chí một khu vực. Giá trị địa kinh tế gắn với vai trò đầu mối trong tổ chức lãnh thổ và lãnh hải, từ giao lưu và quan hệ kinh tế và sự hấp dẫn, sức hút và không gian ảnh hưởng. *Giá trị vị thế (địa) chính trị* là lợi ích kết hợp của lợi thế về địa lý tự nhiên và nhân văn, với một bối cảnh chính trị và kinh tế quốc tế nào đó. Ngoài ba hợp phần giá trị nêu trên, một đối tượng tài nguyên vị thế còn có các giá trị tài nguyên đi kèm về sinh vật, phi sinh vật và nhân văn.

1.2. Các thuộc tính

Tài nguyên vị thế, trong đó có yếu tố địa chính trị có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng đối với vận mệnh của một đất nước. Sự thịnh suy của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào khả năng khai thác và tận dụng nguồn tài nguyên địa chính trị. Trong bối cảnh chính trị-kinh tế quốc tế hiện nay, một trật tự thế giới mới đang hình thành, trong đó Việt Nam nằm ở một vị trí tương đối trung tâm của tranh chấp nước lớn và liên kết kinh tế của khu vực. Điều này đang đặt ra những thách thức to lớn, nhưng cũng đem lại những vận hội không nhỏ cho Việt Nam.

Nhiều quốc gia đảo coi tài nguyên vị thế là tiềm năng lớn nhất để phát triển kinh tế dịch vụ và du lịch, mà thành công lớn nhất là Singapore. Từ một vùng nghèo tách ra khỏi Malaysia vào những năm 60, đất nước này vươn dậy nhờ biết tận dụng vị thế của một đảo nằm sát eo Malacca, được coi là cửa ngõ thông nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Nhiều nước khác đã biết tận dụng kết hợp vị thế với các danh thắng tự nhiên, các kỳ quan sinh thái và địa chất để tạo nên sự phát triển vượt bậc về du lịch sinh thái biển.

Mỗi một địa điểm, địa phương, khu vực hoặc vùng miền đều có những giá trị tài nguyên vị thế nhất định bao hàm ba hợp phần nói trên. Trên thực tế thì tài nguyên

địa kinh tế và tài nguyên địa chính trị có khi được hiểu là một nhóm; tài nguyên vị thế kinh tế - chính trị.

Bảng 1: Các hợp phần của tài nguyên vị thế và tầm quan trọng của chúng

| TT | Hợp phần | Giá trị | Quy mô | Quan hệ | Tính ổn định |
|----|----------------------|--|---|--|----------------------------|
| 1 | Vị thế tự nhiên | Có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế và bảo tồn tự nhiên. | Địa phương; Quốc gia; Khu vực và quốc tế | Có tính độc lập tương đối, có mối quan hệ khách quan nhưng nhân tố nội tại quyết định. | Có tính ổn định khá cao. |
| 2 | Vị thế địa kinh tế | Có ý nghĩa lớn về phát triển kinh tế, đặc biệt là dịch vụ. | Vùng miền trong nước; Khu vực và quốc tế | Có vai trò tác động mạnh đến vùng miền và khu vực. | Có tính ổn định tương đối. |
| 3 | Vị thế địa chính trị | Có ý nghĩa đặc biệt về lợi ích kinh tế và chủ quyền quốc gia, an ninh và quốc phòng. | Vùng miền trong nước; Khu vực và quốc tế. | Quan hệ vùng miền trong nước và quan hệ khu vực, quốc tế. | Có tính ổn định thấp. |

Tài nguyên vị thế là một khái niệm còn ít được xem xét về phương diện khoa học và kinh tế, nhưng bản thân chúng lại được khai thác và sử dụng thường xuyên. Mỗi hợp phần vị thế tự nhiên, vị thế địa kinh tế và vị thế địa chính trị có những giá trị riêng biệt và sự kết hợp của chúng tạo nên giá trị tổng hợp cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tài nguyên vị thế tự nhiên có tính ổn định khá cao, phụ thuộc vào sự ổn định của hình thể không gian. Ví dụ, dường như suốt cả nghìn năm qua, từ thời Lý - Trần, vùng vịnh Bái Tử Long luôn có tầm quan trọng đặc biệt đối với kinh tế thương mại, hàng hải và phòng thủ. Trong khi đó phố cổ và thương cảng Hội An thịnh vượng một thời đã bị suy tàn do bồi lấp Cửa Đại gây cản trở tàu thuyền ra vào và ngập lụt ven bờ. Nội lực và ưu thế phát triển của một khu vực hay một vùng miền có được trên thực tế là nhờ phát huy giá trị tài nguyên vị thế tự nhiên, bao hàm cả các tài nguyên sinh vật và phi sinh vật khác nằm trong cùng phạm vi không gian nội tại của khu vực.

Tài nguyên vị thế địa kinh tế có tính ổn định tương đối, phụ thuộc vào vị thế tự nhiên và bối cảnh kinh tế - xã hội. Ví dụ, vương quốc cổ Phù Nam phần thịnh vào khoảng thế kỷ III - X gắn với “con đường tơ lụa” trên biển xuyên Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ngày nay, “con đường tơ lụa” vẫn còn đó với hoạt động hàng hải từ Ấn Độ Dương qua eo Malacca, sang Biển Đông và lên Đông Bắc Á thuộc loại nhộn nhịp nhất thế giới với 13 trong số 20 cảng container lớn nhất thế giới nằm trên hành lang tàu biển Singapore - Nhật Bản và từ vùng Malacca lên Đông Bắc Á, mỗi ngày có

khoảng 4 triệu thùng dầu được vận chuyển trên các tuyến hàng hải quốc tế. Tuy nhiên, cửa ngõ hướng ra biển nối vào “con đường tơ lụa” bây giờ không phải là các cửa sông Miền Tây Nam Bộ bị sa bồi mà là vùng cửa sông Đồng Nai với cụm cảng nước sâu Sài Gòn - Thị Vải.

Tài nguyên vị thế địa chính trị có tính ổn định thấp. Ví dụ, tài nguyên địa chính trị của Việt Nam là một tổng thể hết sức đa dạng và phức tạp, cấu thành từ rất nhiều yếu tố, trong đó yếu tố vị thế biển dường như có vai trò quan trọng hàng đầu, nhưng giá trị và ý nghĩa của chúng không bất biến. Việt Nam là một cửa ngõ của Lào và Campuchia ra biển, nhưng mức độ quan trọng của cửa ngõ còn phụ thuộc vào khả năng phát triển của các nước này. Tài nguyên địa chính trị, không chỉ là địa thế, cũng không chỉ là cục diện, mà luôn là sự kết hợp địa lý tự nhiên và nhân văn, với một bối cảnh chính trị và kinh tế quốc tế nào đó [9]. Chính cục diện chính trị - kinh tế xung quanh Việt Nam sẽ quyết định yếu tố nào là vượt trội, có tầm vóc chiến lược, trong các yếu tố tài nguyên địa chính trị của Việt Nam. Sự thịnh vượng về kinh tế của một đất nước, một vùng lãnh thổ phụ thuộc rất nhiều vào việc phát huy giá trị tài nguyên địa kinh tế trong mối quan hệ không gian kinh tế trong phạm vi vùng miền, quốc gia và khu vực - quốc tế. Vận mệnh của một dân tộc, sự thịnh suy của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên địa chính trị của quốc gia ấy, vào khả năng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên này.

2. Tiềm năng tài nguyên vị thế biển Việt Nam

2.1. Đối tượng tài nguyên

Có thể xác định tài nguyên vị thế vùng biển và ven bờ Việt Nam là các hệ thống thủy hệ hoặc địa hệ với cả ba hợp phần nền đất (hoặc đáy), nước và không khí, nằm trong phạm vi chủ quyền quốc gia, bao gồm các vùng bờ [10], các đảo và quần đảo [11,12], các thủy vực ven bờ (vũng vịnh, cửa sông, đầm phá) [13,14,15] và các vùng nước ngoài khơi v.v. Tài nguyên vị thế biển Việt Nam được phân cấp như sau:

Cấp 1: Biển Việt Nam

Cấp 2: Các vùng của biển Việt Nam. Theo đối vĩ tuyến: Vùng biển Vịnh Bắc Bộ, Vùng Biển Trung Bộ; Vùng biển Nam Bộ và Vịnh Thái Lan. Theo các đới xa bờ: Dải ven bờ biển, vùng thềm lục địa và vùng biển sâu (ứng với sườn lục địa và lòng chảo nước sâu). Trong một số trường hợp có thể đánh giá tài nguyên vị thế theo các vùng pháp lý (Nghị quyết ngày 23/06/1994 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam phê chuẩn công ước của Liên Hiệp quốc về Luật biển năm 1982): vùng thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế và vùng tiếp giáp lãnh hải; hoặc thậm chí theo các vùng: nội thủy, lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán.

Cấp 3: Các thủy hệ - địa hệ nằm trong các vùng biển Việt Nam, nhưng tạo thành các hệ thống riêng. Đó là hệ thống cửa sông, vũng vịnh, đầm phá, hải đảo.

Các đối tượng tài nguyên cấp 3 tạo ra những hướng đặc thù trong sử dụng theo hệ thống, nhưng lại tổ hợp theo vùng biển để tạo các giá trị tổng thể đặc trưng cho mỗi vùng. Ví dụ, giá trị vị thế tự nhiên của dải ven bờ Vịnh Bắc Bộ là tổ hợp các giá trị vị thế của các cửa sông, vũng vịnh, đầm phá và hải đảo nằm trong phạm vi của mình.

Trong khi, các vũng vịnh dọc bờ biển Việt Nam lại tạo nên một hệ thống tài nguyên với giá trị ưu thế khác với hệ thống cửa sông, hay đầm phá.

2.2. *Tiềm năng sử dụng*

Việc định loại giá trị tài nguyên vị thế biển hết sức quan trọng nhằm xác định tiềm năng và định hướng sử dụng chúng. Tài nguyên vị thế biển cũng bao hàm các giá trị bao gồm các giá trị sử dụng trực tiếp, sử dụng gián tiếp, giá trị để dành và các giá trị phi sử dụng [16]. Đến nay, tài nguyên biển nói chung, vị thế biển nói riêng chủ yếu được quan tâm đến các giá trị sử dụng trực tiếp, chưa chú ý đến các giá trị gián tiếp và giá trị lưu tồn mà đôi khi lớn hơn nhiều các giá trị sử dụng trực tiếp.

Cùng với nhu cầu và tiềm lực phát triển kinh tế xã hội, vai trò tài nguyên vị thế biển Việt Nam ngày càng nổi bật và chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong hệ thống tài nguyên biển vì những giá trị và lợi ích to lớn về nhiều mặt mà nhóm này mang lại. Sử dụng tài nguyên vị thế chính là việc tổ chức không gian biển và quy hoạch phát triển kinh tế biển, mà trước đây chỉ được coi là yếu tố lợi thế, không được xem là tài nguyên.

Phát triển kinh tế - xã hội. Tài nguyên vị thế biển Việt Nam có tiềm năng sử dụng rất lớn cho các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội [11, 17, 18, 19, 2, 13, 14, 12] như phát triển giao thông - cảng, du lịch và dịch vụ, nghề cá biển, phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng và đô thị hoá và các lĩnh vực kinh tế khác. Để phát triển các lĩnh vực này, trước hết là cần sử dụng yếu tố không gian (đảo, biển, thủy vực ven bờ) và yếu tố vị trí địa lý đặc thù của tài nguyên vị thế, sau đó là sử dụng hợp lý các yếu tố tài nguyên sinh vật và phi sinh vật nằm chính trong không gian phát triển (tự tại) và ngoài không gian phát triển (sức hút).

Hoạt động kinh tế thị trường đang phát triển rất mạnh trong khu vực, tạo ra nhu cầu liên kết và giao thương to lớn giữa các nước, các địa phương. Trong bối cảnh ấy, lợi thế địa lý của Việt Nam do nằm kề trục lộ xương sống của kinh tế khu vực, đặc biệt khu vực miền Nam và miền Trung ở vị trí bản lề giữa biển và đất liền, ngay tâm hình học của miền Đông Nam châu Á, nếu được phát huy mạnh mẽ sẽ là nguồn tài nguyên vô giá giúp Việt Nam phồn thịnh. Việc phát huy tài nguyên địa chính trị của Việt Nam có thể diễn ra theo hai hướng: làm cửa ngõ ra biển của nội địa châu Á và làm đầu cầu trên đất liền của con đường giao thương - trên biển và trên không - qua biển Đông [19].

Đảm bảo an ninh, quốc phòng và lợi ích, chủ quyền quốc gia trên biển. Tài nguyên vị thế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền quốc gia trên biển. Không gian biển và ven bờ biển Việt Nam là một dạng tài nguyên quân sự, được khai thác và sử dụng triệt để trong chiến tranh chống ngoại xâm. Việc bố trí phòng thủ cũng như lập các phương án tác chiến trước hết phải dựa vào các yếu tố của vị thế như đặc điểm tự nhiên, đặc biệt là địa hình và vị trí địa lý [14]. Các đảo, vùng cửa sông, vịnh biển, vùng thềm lục địa rất có giá trị phân định ranh giới và chủ quyền quốc gia trên biển.

Bảo tồn tự nhiên. Phát triển các khu bảo tồn tự nhiên biển là một hình thức sử dụng các giá trị sử dụng gián tiếp hoặc duy trì các giá trị để giành, lưu lại của tài

nguyên vị thế biển. Lợi ích và tầm quan trọng của các khu bảo tồn biển rất lớn, bao gồm cả lợi ích kinh tế trực tiếp (du lịch sinh thái, phát triển nguồn lợi ở vùng chuyên tiếp), lợi ích gián tiếp (văn hoá, khoa học và giáo dục) và lợi ích lan toả (duy trì nguồn giống cho các ngư trường lân cận, nơi ở cho động vật di trú v.v.). Các khu bảo tồn tự nhiên bắt đầu được thành lập từ năm 1962, đến năm 2006 có tổng số 212 khu (đã được công nhận 126, đang trình chính phủ phê duyệt 86) với diện tích trên 2 triệu ha, chiếm khoảng 6% diện tích tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam, trong đó có 20 khu trên biển (vườn Quốc gia, khu bảo tồn biển).

2.3. Một số dạng tài nguyên vị thế

Vùng cửa sông. Hệ thống sông ngòi Việt Nam phát triển khá dày đặc hàng năm, đưa ra biển khoảng 870 tỷ m³ nước và 250 triệu tấn bùn cát, được phân bố trên 10 lưu vực sông chính là các sông Quảng Ninh, sông Hồng - Thái Bình, sông Mã, sông Cả, sông Gianh - Quảng Trị - Hương, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Ba, sông Đồng Nai và sông Mê Kông. Các sông đổ vào biển qua khoảng 114 cửa [1,15]. Các vùng cửa sông được chia thành hai kiểu là châu thổ và vùng cửa hình phễu. Việt Nam có hai châu thổ lớn là sông Hồng ở phía bắc và Mê Kông ở phía nam và các châu thổ nhỏ như Mã, Cả, Thu Bồn, Đà Rằng v.v. ở Trung Bộ. Châu thổ sông Hồng có diện tích khoảng 17 nghìn km², gần một thế kỷ qua bồi lún ra biển trung bình 28m/năm, có nơi 100 - 120m/năm như ở cửa Ba Lạt và cửa Đáy. Châu thổ Mê Kông lớn nhất Đông Nam Á (diện tích 35000 km² phần Việt Nam), tốc độ lún biển tới 150m/năm tại mũi Cà Mau. Vùng cửa sông hình phễu là một vùng hạ lưu sông, thường có dạng hình phễu, bị ngập chìm không đều bù trầm tích, và thủy triều mạnh. Các vùng cửa sông hình phễu lớn và điển hình của thế giới như Xen, Jironda (Pháp), Thame, Mersey (Anh), Rein, Maas (Hà Lan), Potomac (Mỹ), La-plata (Nam Mỹ), Trường Giang (Trung Quốc) [15]. Đây thường là nơi phát triển các cảng lớn và các hoạt động công nghiệp, hàng hải, dịch vụ và du lịch đi kèm. Nhiều cảng biển thuộc loại lớn nhất thế giới nằm tập trung ở vùng cửa sông hình phễu, điển hình là Rotterdam của Hà Lan, Liverpool và London của Anh và La Havre của Pháp v.v. Việt Nam có hai vùng cửa sông hình phễu điển hình là vùng cửa sông Đồng Nai và vùng cửa sông Bạch Đằng với sự tương đồng về tự nhiên, tài nguyên và tiềm năng phát triển kinh tế xã hội cho các thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu và Hải Phòng. Hải Phòng là cửa ngõ hướng ra biển ở phía bắc của cả nước và Bà Rịa Vũng Tàu là cửa ngõ ra biển ở phía nam trong mối quan hệ phát triển các vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh ở phía bắc và thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu ở phía nam.

Đầm phá. Đầm phá là một loại hình thủy vực ven bờ, nước lợ, mặn hoặc siêu mặn, thường có hình dáng kéo dài, được ngăn cách với biển bởi hệ thống đê cát và có cửa thông nối với biển. Cửa đầm phá có thể một hoặc nhiều, mở thường xuyên hoặc bị đóng kín định kỳ. Đầm phá ven bờ có mặt ở nhiều nơi, chiếm khoảng 13% chiều dài đường bờ đại dương thế giới. Ở Việt nam, các đầm phá tập trung ở miền Trung, nơi giàu nguồn bồi tích cát ven bờ và động lực sóng mạnh và thủy triều thường không lớn. Từ Thừa Thiên - Huế tới Ninh Thuận, có 12 đầm phá tiêu biểu, tổng diện tích chỉ khoảng 458km², phân bố trên khoảng 21% chiều dài đường bờ biển Việt Nam [13].

Các đầm phá thường được ví như là các ốc đảo giàu có nằm ở các vùng ven biển nghèo. Chúng có giá trị rất lớn về chức năng sinh thái và môi trường, là các vùng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, bến cá nhân dân và nơi cơ trú tránh gió bão rất an toàn. Một số cảng quan trọng như Thuận An, Quy Nhơn nằm trong vùng đầm phá. Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai chạy dài 70km dọc bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế, rộng 216 km² là một đầm phá có quy mô lớn nhất Đông Nam Á, thuộc loại lớn của thế giới. Với tỉnh Thừa Thiên Huế, đây là cửa ngõ hướng ra biển, có liên quan trực tiếp với cuộc sống của 1/3 dân số của tỉnh và có ảnh hưởng quan trọng đối với toàn bộ đời sống kinh tế xã hội của cả tỉnh, gián tiếp liên quan đến sự hình thành và phát triển của đô thị Huế.

Vũng vịnh. Vũng, vịnh ven bờ biển Việt Nam được hiểu là một phần của biển lồm vào lục địa hoặc do đảo chắn tạo thành một vùng nước khép kín ở mức độ nhất định mà trong đó động lực biển thống trị. Các vũng vịnh ven bờ Việt Nam được chia thành 3 cấp cơ bản: Cấp 1: vịnh biển (gulf - Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan); Cấp 2: vịnh ven bờ (bay - Vịnh Hạ Long, Vịnh Đà Nẵng v.v.); Cấp 3: Vũng (bight và shelter - Vũng Rô, Vũng Xuân Đài v.v). Không kể các vịnh lớn (gulf), ở Việt Nam, vũng và vịnh ven bờ có độ sâu không quá 30m. Các vũng có diện tích dưới 50 km², các vịnh ven bờ có diện tích từ 50 km² trở lên, tổng số 48 vũng, vịnh với tổng diện tích khoảng 4000 km². Các vũng -vịnh ven bờ phân bố theo 4 vùng địa lý: vùng bờ Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và vùng các đảo phía nam [14, 15]. Các cảng có tiềm năng lớn phát triển giao thông - cảng; du lịch - dịch vụ; đánh bắt và nuôi trồng thủy sản kiểu giàn, lồng. Các cảng quan trọng hàng đầu của nước ta như Cam Ranh, Văn Phong, Đà Nẵng, Cái Lân phân bố trong các vịnh gần kín, nửa kín. Nhiều vịnh có cảnh quan đẹp được xếp vào hàng di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới, có giá trị to lớn cho phát triển du lịch. Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Vịnh Nha Trang được bình chọn vào danh sách 29 vịnh đẹp nhất thế giới. Các Vịnh Bái Tử Long, Cam Ranh có ý nghĩa lớn về phòng thủ quân sự.

Đảo và quần đảo. Việt Nam có khoảng 3000 hòn đảo ven bờ với diện tích hơn 1600 km², trong đó trên 66 đảo có khoảng 155 nghìn dân sinh sống, tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ Đông bắc [11, 12]. Trừ đảo Phú Quý ngăn cách với thềm lục địa hiện đại qua một trũng nước sâu và các quần đảo san hô Trường Sa, Hoàng Sa giữa Biển Đông, tất cả các đảo gần bờ, kể cả Bạch Long Vỹ, Côn Đảo và Phú Quốc đều nằm trong phạm vi thềm lục địa. Đảo có nhiều giá trị quý như đất sinh cư, du lịch sinh thái, xây dựng kết cấu hạ tầng khai thác biển. Các đảo có giá trị phát triển du lịch biển và bảo tồn tự nhiên, xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá, dịch vụ dầu khí, neo trú tránh bão v.v. Cát Bà và Phú Quốc có thể phát triển trở thành các hòn ngọc của Châu Á. Danh sách 15 khu bảo tồn thiên nhiên biển Việt Nam hiện nay đều gắn liền với các đảo. Một số đảo như Thổ Chu, Côn Cỏ, Đảo Trần v.v. có giá trị là đường cơ sở làm lợi phần lãnh hải cho Tổ Quốc. Hai quần đảo san hô xa bờ mang lại lợi ích nhiều mặt và lâu dài cho đất nước. Quần đảo Hoàng Sa nằm trên cao nguyên ngầm rộng hơn 100 ngàn km², bao gồm hơn 100 đảo nổi, đá, bãi nông, bãi ngầm với trên 60 nơi đã được đặt tên (có 16 đảo nổi) thuộc về 3 cụm lớn là Lưỡi Liềm, Vĩnh An và Mac- lec - phin. Quần đảo

Trường Sa nằm trên cao nguyên ngầm rộng hơn 300 ngàn km², bao gồm hàng trăm đảo nổi, đá, bãi nông, bãi ngầm với trên 130 nơi đã được đặt tên (có 23 đảo nổi), thuộc về 8 cụm lớn là Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Bình Nguyên, Trường Sa và Thám Hiểm [10,9].

3. Định hướng phát huy giá trị và tiềm năng của tài nguyên vị thế biển Việt Nam

3.1. Hướng tiếp cận

Để phát huy được các giá trị tài nguyên vị thế biển, cần có các cách tiếp cận đúng đắn về vấn đề sử dụng hợp lý: tiếp cận dạng tài nguyên mới, hệ thống, liên ngành, phát triển bền vững và tiếp cận kinh tế dịch vụ.

Tài nguyên vị thế là những giá trị và lợi ích có được nhờ sử dụng vị trí, không gian của một nơi nào đó vào các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phòng thủ và các lợi ích quốc gia khác. Vì vậy, việc đánh giá tài nguyên này cần có cách tiếp cận khác với tài nguyên truyền thống. Mỗi một khu vực, hoặc đối tượng có giá trị tài nguyên vị thế đều là một hệ thống hoặc nằm trong một hệ thống tự nhiên - kinh tế - xã hội, có các giá trị nổi bật và các giá trị đi kèm. Tính chất liên ngành đảm bảo định hướng sử dụng tài nguyên có hiệu quả kinh tế, dung hoà mâu thuẫn lợi ích sử dụng, tôn trọng các yếu tố cấu trúc cộng đồng, truyền thống, bảo tồn và phát huy được các giá trị tự nhiên và nhân văn. Sử dụng tài nguyên vị thế biển theo định hướng phát triển bền vững [8] đảm bảo được cả ba lợi ích về kinh tế (dịch vụ là trọng tâm), xã hội (chủ quyền và lợi ích quốc gia là trọng tâm) và môi trường (bảo tồn tự nhiên là trọng tâm).

Kinh tế dịch vụ là thành phần cơ bản của nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang hướng tới. Tài nguyên vị thế biển là nhân tố vô cùng quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền tảng của các hoạt động kinh tế dịch vụ như hàng hải, hậu cần nghề cá, viễn thông, các khu trung chuyển, khu mậu dịch tự do và các hoạt động khác liên kết vùng miền, lãnh thổ và lãnh hải thông qua các tuyến vành đai và hành lang kinh tế v.v.

Tài nguyên vị thế biển Việt Nam gồm ba hợp phần giá trị cơ bản về vị thế tự nhiên, địa kinh tế, địa chính trị, ngoài ra còn có các giá trị tài nguyên đi kèm. Tài nguyên vị thế biển cũng bao hàm các giá trị sử dụng trực tiếp, sử dụng gián tiếp và các giá trị phi sử dụng. Để phát huy giá trị của nó, cần phải có sự nhìn nhận linh hoạt về giá trị địa chính trị và địa kinh tế, bởi vì đặc điểm địa chính trị, địa kinh tế của mỗi địa phương, vùng miền hay quốc gia thay đổi theo trình độ phát triển và bối cảnh chung của cả nước, khu vực và thế giới. Hơn nữa, phạm vi ảnh hưởng của địa chính trị, địa kinh tế có xu hướng mở rộng trong xu thế giao lưu mở rộng, hợp tác và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ. Trong khi lợi ích địa phương, vùng miền gắn với lợi ích quốc gia và lợi ích quốc gia ngày càng bị đan xen với lợi ích khu vực và quốc tế.

Để phát huy tiềm năng tài nguyên vị thế biển phải hiểu rõ được thế mạnh của từng địa phương, vùng lãnh thổ và của cả nước về tiềm năng và khả năng phát huy giá trị của tài nguyên thiên nhiên và nhân văn và các nguồn lực nội tại về vốn, lực lượng lao động và khoa học - công nghệ. Từ đó có một định hướng chiến lược đúng đắn về phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, phải xác định được vị trí đúng đắn của đối tượng

trong tổ chức không gian lãnh thổ và quy hoạch phát triển tổng thể ở tầm vĩ mô và đối với tầm quốc gia thì phải đặt trong bối cảnh phát triển khu vực và quốc tế. Hiểu rõ được mặt mạnh, mặt yếu của các địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia khác để có những quyết sách phù hợp cho liên kết, hợp tác và cạnh tranh. Hơn nữa, phải gắn được với xu thế phát triển chung của vùng lãnh thổ, quốc gia, khu vực và quốc tế để xác định được những lợi thế, lợi ích có thể tận dụng, trách nhiệm có thể tham gia và những rủi ro có thể tránh được.

3.2. Định hướng phát huy tiềm năng

Việc sử dụng và phát huy tiềm năng tài nguyên vị thế biển Việt Nam đang có những cơ hội và thách thức lớn. Về cơ hội, đó là nhận thức về giá trị và tiềm năng tài nguyên vị thế ngày càng được nâng cao, thể chế và chính sách ngày càng hoàn thiện, tiềm lực kinh tế và khoa học công nghệ ngày càng lớn mạnh, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng. Về thách thức, đó là áp lực phát triển kinh tế xã hội đến môi trường ngày càng lớn, đe dọa từ thiên tai và các sự cố môi trường ngày càng tăng, xuất phát điểm và nền tảng kinh tế còn thấp, mâu thuẫn lợi ích ngày càng sâu sắc và cạnh tranh phát triển ngày càng gay gắt, thể chế chính sách chưa hoàn thiện và ý thức xã hội của cộng đồng và năng lực của các cấp quản.

Phát huy tiềm năng tài nguyên vị thế biển Việt Nam là cần phải đáp ứng được nhu cầu lâu dài phục vụ phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng và chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển; lồng ghép sử dụng hợp lý không gian biển mà kinh tế dịch vụ là trọng tâm, với bảo vệ môi trường, bảo tồn tự nhiên và phát huy các giá trị văn hoá, khoa học và giáo dục.

Cần sớm xây dựng được chiến lược định hướng lâu dài và phương án trước mắt sử dụng hợp lý tài nguyên vị thế biển theo định hướng phát triển bền vững và tạo khả năng đột phá về kinh tế - xã hội với kinh tế dịch vụ là trọng tâm.

Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh cơ sở thể chế, chính sách và bổ sung các văn bản pháp quy liên quan đến phát triển không gian biển và dải ven bờ. Ngoài tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, nhà nước giữ quyền điều hành và quản lý trong một số lĩnh vực chủ chốt khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế biển.

Tổ chức tốt quy hoạch không gian lãnh thổ - lãnh hải [2, 20] theo đặc thù vùng miền vai trò chủ quyền tương ứng với các vùng thêm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế, vùng quyền chủ quyền và vùng quyền tài phán. Tăng cường hoạt động dịch vụ và trung chuyển trên biển để hỗ trợ phát triển kinh tế đảo và xa bờ. Phát triển mạnh cảng hàng hải, hoạt động trung chuyển, du lịch sinh thái và các hoạt động kinh tế dịch vụ biển trở thành mũi nhọn của khai thác tài nguyên vị thế biển.

Ổn định chính trị - xã hội trên biển có vai trò nền tảng đối với khai thác tài nguyên vị thế biển. Cần tăng cường an ninh quốc phòng, chống nạn cướp biển và khai thác tài nguyên trái phép. Tăng cường kiểm tra, giám sát bằng cả các phương tiện trên biển và viễn thám nhằm đảm bảo an toàn môi trường và an ninh tài nguyên. Phát hiện và kịp thời xử lý các vụ vi phạm như vận chuyển và đổ thải trái phép các chất gây ô nhiễm, sử dụng các hình thức khai thác huỷ hoại tài nguyên, vi phạm hàng hải trong

các vùng bảo vệ đặc biệt và xử phạt các vi phạm trên biển. Gắn kết phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng và bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển, phối hợp tốt giữa các tổ chức quản lý, kinh tế với các tổ chức tìm kiếm cứu nạn trên biển, cảnh sát biển, hải quân và bộ đội biên phòng. Để đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, cần giải quyết tốt các *mâu thuẫn lợi ích sử dụng* nảy sinh khi xuất hiện do tranh chấp không gian, tranh chấp tài nguyên và gây tác động môi trường. Mâu thuẫn có thể nảy sinh trong mối quan hệ giữa các địa phương, vùng miền và quan hệ các quốc gia. Trong phạm vi quốc gia, các mâu thuẫn thường là giữa các cấp chủ thể hưởng lợi, giữa các lĩnh vực phát triển kinh tế, giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tự nhiên và đôi khi là tranh chấp quyền sử dụng và quản lý. Ở cấp quan hệ quốc gia, tranh chấp chủ quyền không gian biển có khi trở thành vấn đề gay gắt, làm hạn chế khả năng phát huy tiềm năng tài nguyên vị thế biển. Đó chính là vấn đề thuộc về vị thế địa chính trị, có tính ít ổn định, có thể được cải thiện, hoặc xấu đi trong những hoàn cảnh cụ thể.

Cần đẩy mạnh điều tra, đánh giá để hiểu rõ bản chất, giá trị và tiềm năng của tài nguyên vị thế biển Việt Nam, bao gồm cả vùng biển, ven bờ và các đảo. Tăng cường xây dựng tiềm lực cán bộ khoa học và chuyên gia cho các cơ quan nghiên cứu và quản lý không gian biển. Chú trọng đào tạo xây dựng một hệ thống các cơ quan chuyên trách điều tra nghiên cứu và ứng dụng công nghệ về biển đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo bình đẳng trong các hợp tác quốc tế song phương và đa phương trên Biển Đông. Phấn đấu xây dựng được một nền tảng cơ sở vật chất cho nghiên cứu và triển khai như đội tàu nghiên cứu, các trạm quan trắc môi trường và cảnh báo thiên tai, các phòng thí nghiệm trọng điểm và các cơ sở thực nghiệm. Ưu tiên các hướng khoa học và công nghệ cao để tiếp cận trình độ khu vực về một số mặt có liên quan đến lợi ích bình đẳng khai thác các vùng nước giáp kề, các vùng chõng lán hoặc tranh chấp. Đó là các vấn đề xây dựng công trình trên biển, dự báo, thăm dò khoáng sản và nguồn lợi nghề cá, nuôi trồng thủy sản hiệu suất cao, nước ngọt cho vùng ven biển và các đảo xa bờ, phát triển các nguồn năng lượng sạch nguồn gốc từ biển (gió, sóng, thủy triều, dòng chảy biển v.v.), tách chiết các hợp chất thiên nhiên có giá trị cao từ nguồn vật liệu biển và chế biến các sản phẩm biển.

Để phát huy tiềm năng tài nguyên vị thế biển phục vụ phát triển bền vững, cần tăng cường bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai (sóng, bão, mực biển dâng cao, ngập lụt và xâm nhập mặn ven bờ, xói lở, sa bồi, động đất và cả khả năng sóng thần). Xây dựng chiến lược và các chương trình, kế hoạch hành động, các dự án ưu tiên để kiểm soát ô nhiễm, ngăn ngừa suy thoái, phát triển tài nguyên, cảnh báo thiên tai và ngăn ngừa sự cố môi trường trên không gian biển. Phát huy mặt mạnh của nền kinh tế thị trường đối với khai thác tiềm năng vị thế và bảo vệ môi trường vùng biển. Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp biển và dải ven bờ biển. Phát triển các khu bảo tồn biển như là một quốc sách sử dụng không gian biển cho phát triển bền vững. Các khu này, ngoài duy trì các giá trị về tự nhiên, đa dạng sinh học và khoa học, còn mang lại những lợi ích kinh tế to lớn nhờ hỗ trợ cho du lịch sinh thái và nghề cá.

Tăng cường hội nhập quốc tế để tạo ra cơ hội hiểu biết, học hỏi kinh nghiệm

của thế giới trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên vị thế biển, mà bản chất là tổ chức không gian và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Hội nhập cũng tạo ra cơ hội và đòi hỏi đầu tư cho các dự án phát triển, có nhu cầu rất cao việc sử dụng tài nguyên vị thế - không gian biển. Đây mạnh hợp tác quốc tế trong điều kiện toàn cầu hoá để hội nhập và thực thi các công ước Việt Nam đã ký liên quan đến không gian biển. Thúc đẩy nghiên cứu và đàm phán nhằm sớm hoàn thiện việc xác lập biên giới và chủ quyền hợp pháp trên biển. Phối hợp ứng cứu các sự cố môi trường tại các vùng giáp ranh, tham khảo kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ, khuyến khích hoà nhập các chương trình quốc tế về biển. Mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về thông tin tư liệu, đào tạo, hội thảo, tham quan trao đổi, tham gia các chương trình, dự án khu vực hoặc toàn cầu phối hợp song phương hoặc đa phương. Tham gia các tổ chức, các hoạt động mạng lưới quốc tế về vị thế - không gian biển.

Kết luận

Tài nguyên vị thế biển là các lợi ích có được từ một khu vực, một nơi ở biển hoặc ven bờ biển, được đặt trong mối quan hệ không gian của khu vực ấy, nơi ấy. Giá trị tài nguyên vị thế biển được đánh giá theo ba tiêu chí: vị thế (địa) tự nhiên có tính ổn định khá cao; giá trị vị thế (địa) kinh tế có tính ổn định tương đối và giá trị vị thế (địa) chính trị có tính ổn định thấp.

Tài nguyên vị thế biển Việt Nam là các hệ thống thuỷ hệ hoặc địa hệ với cả ba hợp phần nền đất (hoặc đáy), nước và không khí, nằm trong phạm vi chủ quyền quốc gia, bao gồm các vùng bờ, các đảo và quần đảo, các thuỷ vực ven bờ (vũng vịnh, cửa sông, đầm phá) và các vùng nước ngoài khơi v.v. Chúng được phân định thành ba cấp: Cấp 1 - biển Việt Nam; Cấp 2 - các vùng của biển Việt Nam theo các đới vĩ tuyến hoặc các đới xa bờ; Cấp 3- Các thuỷ hệ - địa hệ thuộc các vùng biển.

Cùng với nhu cầu và tiềm lực phát triển kinh tế xã hội, vai trò tài nguyên vị thế biển Việt Nam ngày càng nổi bật và chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong hệ thống tài nguyên biển vì những giá trị và lợi ích to lớn về nhiều mặt mà nhóm tài nguyên này mang lại. Đó là những lợi ích về phát triển kinh tế - xã hội như dịch vụ hàng hải, viễn thông, thương mại, du lịch, dầu khí, nghề cá biển, phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng và đô thị hoá v.v.; Đảm bảo an ninh, quốc phòng và lợi ích, chủ quyền quốc gia trên biển; Bảo tồn tự nhiên.

Để phát huy giá trị và tiềm năng tài nguyên vị thế biển Việt Nam, cần sớm xây dựng chiến lược định hướng lâu dài và phương án trước mắt sử dụng chúng theo định hướng phát triển bền vững và tạo khả năng đột phá về kinh tế - xã hội với kinh tế dịch vụ là trọng tâm; Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh thể chế và chính sách; Tổ chức tốt quy hoạch không gian lãnh thổ - lãnh hải theo đặc thù vùng miền; Ổn định chính trị - xã hội trên biển và giải quyết tốt các mâu thuẫn lợi ích sử dụng; Đây mạnh điều tra, đánh giá để hiểu rõ bản chất, giá trị và tiềm năng của tài nguyên vị thế biển Việt Nam, bao gồm cả vùng biển, ven bờ và các đảo; Tăng cường bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai; Tăng cường hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chu Hồi, 2005. *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. P.1-306.
- [2] Nguyễn Chu Hồi, 2007. *Tổ chức không gian cho phát triển kinh tế biển bền vững*. Tạp chí Chính trị số 6/07. NXB Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Phân hiệu Đà Nẵng.
- [3] Trần Đức Thạnh, 2007. *Một số dạng tài nguyên vị thế biển Việt Nam*. Khoa học và Công nghệ biển. Hà Nội..No.4. T.7. Tr.80 - 93.
- [4] European Environment Agency, EEA multilingual environment glossary - <http://glossary.eea.eu.int/EEAGlossary/>.
- [5] Pöyry Lujala, 2003. Classification of Natural Resources. 2003 ECPR Joint Session of Workshops, Edinburgh, UK 28.3 2.4. Monday, 31 March.
- [6] European Commission, 2002. Towards a European Strategy for the sustainable use of natural resources. Directorate General environment. Directorate A Sustainable Development and Policy Support. ENV.A2 Sustainable Resources. Meeting with Stakeholders, April 10, 2002
- [7] Sien, Chia Lin, 1992. Singapore's urban coastal area: Strategies for management. ICLARM, Coastal resources management project. Technical Pub. Series 9. P 1 - 100.
- [8] UNCED (United Nation Conference on Environment and Development), 1992. Agenda 21, the Rio Declaration on Environment and Development. Rio de Janeiro, June 1992.
- [9] Vũ Hồng Lâm, 2008. *Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam*. <http://saigontimes.com.vn/>
- [10] Trần Đức Thạnh và nnk, 1997. *Đặc điểm địa mạo biển Việt Nam*.Tr. 7 - 28, Tập IV. *Tài nguyên và Môi trường biển*. NXB. KH & KT. Hà Nội.
- [11] Lê Đức An và nnk, 1996. *Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội hệ thống các đảo ven bờ Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội biển*. Báo cáo đề tài KT. 03 - 12.
- [12] Lê Đức Tố và nnk, 2005. *Luận chứng khoa học về mô hình phát triển kinh tế - sinh thái trên một số đảo, cụm đảo lựa chọn thuộc vùng biển Việt Nam*. Đề tài cấp nhà nước KC.09.12. Lưu trữ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội.
- [13] Trần Đức Thạnh và nnk. 1996. *Tiềm năng sử dụng và những vấn đề quản lý đầm phá ven bờ miền Trung*. Hoạt động Khoa học, số 9/1996, tr. 4 - 6.
- [14] Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cừ, Đỗ Công Thung, Mai Trọng Thông và nnk, 2006. *Đánh giá hiện trạng, dự báo biến động và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên một số vũng - vịnh chủ yếu ven bờ biển Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp nhà nước KC.09-22. Lưu trữ tại Viện Tài nguyên và Môi trường biển.
- [15] Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cừ, Đinh Văn Huy, Bùi Văn Vượng. 2007. *Các thủy vực ven bờ biển Việt Nam*. *Khoa học và Công nghệ biển*. T7. No.1 Hà Nội. Tr.64 - 79.
- [16] Ebarvia M., 1998. *Management option for coastal and marine resource protection*. Tropical coast. Vol.5, No.1. p.3-8.
- [17] Bộ Thủy Sản, 1996. *Nguồn lợi thủy sản Việt Nam*. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội. Tr 1-

616.

[18] Vũ Tuấn Cảnh và nnk, 1995. *Luận chứng khoa học kỹ thuật xây dựng và phát triển hệ thống du lịch biển Việt Nam*. Báo cáo đề tài KT. 03 - 18.

[19] Vũ Cần và nnk, 1996. *Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010*. Lưu trữ tại Cục Hàng hải Việt Nam.

[20] UNEP, 1996. Guidelines for integrated planning and management of coastal and marine areas in the Wider Caribbean Region. UNEP Caribbean Environment Programme, Kingston, Jamaica.